

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 461A/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 12 - 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn và đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ, ngày 21/01/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Thái Thị K Đ, sinh năm 1989

Nơi cư trú: tổ 01, ấp Hòa L, xã Hoa L, huyện P, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: tổ 07, ấp Hoa B 2, xã Hoa L, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Võ T Đ, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: tổ 01, ấp Hoa L, xã Hoa L, huyện P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Võ T Đ là Luật sư Loi Đ – Văn phòng Luật sư H, địa chỉ số 368 Cử Trị, phường CP, thành phố Ch Đ, tỉnh An Giang - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Th Văn H, sinh năm 1963.

3.2. Bà Ph Thị Ch, sinh năm 1963.

Cùng cư trú: tổ 07, ấp HB 2, xã HL, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hòa, bà Ch: anh Lê Hữu Ng, sinh năm 1983, nơi cư trú: số 123/4, ấp Trung 2, xã Tân Tr, huyện P, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022).

3.2. Hợp tác xã Nông Nghiệp Vĩnh B2, huyện Châu Th.

Địa chỉ: ấp Vĩnh L, xã Vĩnh B2, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Do ông Nguyễn Văn T đại diện theo pháp luật.

(Chị Đ, anh Đ, luật sư Loi Đ có mặt; anh Ngh, ông T
có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Thái Thị K Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Sau thời gian tìm hiểu, chị với anh Võ T Đ được cha mẹ đồng ý tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lc ngày 11/6/2014, sau đó mới tổ chức lễ cưới. Chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do mẹ chồng thường xuyên gây khó dễ, anh Đ biết nhưng không bênh vực và có đánh chị nên đã ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Yêu cầu ly hôn với anh Võ T Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Đức K, sinh năm 05/7/2015 do anh Đ nuôi dưỡng và Võ Thúy Thuy Ng, sinh ngày 16/8/2019 do chị đang nuôi dưỡng. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Thúy Thuy Ng và đồng ý để anh Đ được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Đức K, không phải cấp dưỡng cho nhau và phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau khi đến thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Tài sản riêng: Khi nộp đơn ly hôn, vì nghĩ là tài sản riêng nên chị không đề cập. Nay yêu cầu anh Đ trả lại các tài sản sau đây:

+ 01 tủ áo kính màu trắng, giá trị 5.200.000 đồng do cha mẹ ruột cho trước khi đám cưới vài ngày (đám cưới ngày 19/6/2014), không phải mua từ tiền đồng của nhà anh Đ. Tại lễ nói, nhà trai đưa nhà gái số tiền đồng 16.000.000 đồng để mua mừng mền, gối, tiền mâm bàn, đãi ăn, trang điểm cô dâu, không có tiền mua tủ áo. Tủ áo sử dụng chung cho vợ chồng, con cái.

+ 01 máy lạnh hiệu LG do chị mua trả góp tại cửa hàng Điện máy xanh vào tháng 5/2019, giá 10.090.000 đồng. Nguồn tiền mua máy lạnh là do chị hốt hụi và trả góp hàng tháng từ lương giáo viên. Chị đồng ý nhận giá trị vì khi tháo ra sẽ ảnh hưởng đến bức tường trong căn phòng.

Về nợ chung: Khoảng tháng 4/2019, do cần vốn nên vợ chồng vay của cha mẹ ruột 50.000.000 đồng để mở đại lý gạo (không biên nhận). Kinh doanh được 05 tháng thì ngưng do anh Đ bạo lực nên thu hồi lại vốn, đã trả được 30.000.000

đồng, hiện nay còn nợ 20.000.000 đồng. Do cha mẹ không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên khi nào khởi kiện đòi 20.000.000 đồng thì anh Đ phải có trách nhiệm cùng chị trả số tiền trên.

Về đòi tài sản: Do anh Đ lạm công quỹ của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh B2 nên mượn tiền của anh Bùi Hữu Hiếu (tổ 06, khóm Vĩnh Đông 2, phường Núi S, thành phố CĐ, tỉnh An Giang) 55.000.000 đồng để Th toán cho Hợp tác xã. Tháng 01/2021, anh Hiếu yêu cầu anh Đ trả lại tiền, nên anh Đ tHoàả thuận nhờ chị dùng lương Giáo viên để vay tín chấp tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – chi nhánh CV số tiền 90.000.000 đồng cho anh Đ mượn để anh Th toán nợ riêng cho anh Hiếu và Hợp tác xã theo lịch trả nợ của kỳ 4. Sau khi nhận giải ngân 90.000.000 đồng vào ngày 22/01/2021, chị đưa hết cho anh Đ mượn. Anh Đ thỏa thuận sẽ Th toán số tiền này theo lịch trả nợ trên cho Ngân hàng Agribank – chi nhánh CV đến khi dứt nợ. Việc thỏa thuận chị đứng ra vay tiền dùng cho anh Đ không có giấy tờ, vì thời điểm đó vợ chồng còn chung sống hạnh phúc, chị không có ý định đối phó khi ly hôn nên không yêu cầu anh Đ viết giấy tHoàả thuận và giấy nhận số tiền mượn nói trên. Tuy không có ai làm chứng nhưng có cha mẹ ruột của anh Đ biết và có 8 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị và anh Đ. Xuất xứ 08 file ghi âm này là ngẫu nhiên chị có được từ điện thoại cá nhân vì khi còn chung sống, chính anh Đ là người cài đặt chế độ ghi âm toàn bộ cuộc gọi trong điện thoại cá nhân cho chị để tiện lợi cho chị trong công việc dạy học.

Đến thời điểm ly thân tháng 9/2021, đã trả cho ngân hàng Agribank – chi nhánh CV được 08 tháng với số tiền vốn gốc tổng cộng là $8 \times 1.500.000$ đồng = 12.000.000 đồng thì ngưng, mỗi lần trả anh Đ đưa tiền cho chị, chị là người trực tiếp giao dịch với ngân hàng. Khi ly thân, chị có viết giấy tay đưa cho anh Đ tHoàả thuận nội dung nợ cha mẹ 20.000.000 đồng, mỗi người sẽ trả 10.000.000 đồng, còn lại phần nợ ngân hàng anh Đ sẽ trả hàng tháng qua tài khoản cho chị, anh Đ nhận giấy đó và nói sẽ đánh máy ký tên nhưng do cha mẹ anh ngăn cản nên không đưa lại tờ giấy cho chị nên không có giấy tờ chứng minh. Sau khi ly thân, chị đã trả 78.000.000 đồng cho ngân hàng Agribank – chi nhánh CV vào tháng 11/2021 (bằng hình thức vay Ngân hàng Agribank - HL tất toán cho Ngân hàng Agribank - CV). Tại phiên tòa, chị trình bày hiện nay còn nợ Ngân hàng Agribank - HL số tiền 60.000.000 đồng, chưa đến hạn trả và là nợ riêng của chị nên sẽ tự chịu trách nhiệm trả, không liên quan anh Đ.

Anh Đ nói không biết chị vay tiền ngân hàng Agribank – chi nhánh CV là không đúng vì khi vay ngân hàng, hồ sơ phải nộp kèm theo là sổ hộ khẩu, anh Đ là người trực tiếp đem hộ khẩu đi công chứng có thể hiện trong đoạn ghi âm anh Đ nói công chứng ở xã HL. Chứng minh cho yêu cầu đòi 78.000.000 đồng là 08 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị và anh Đ, kèm theo nội dung giải trình chi tiết của mỗi file ghi âm và anh Bùi Hữu Hiếu biết số tiền anh Đ đem trả là do chị vay ngân hàng đưa anh Đ. Chị không đồng ý yêu cầu phản tố của anh Đ vì lạm tiền quỹ của Hợp tác xã Vĩnh B2 là nợ riêng của anh Đ để chi xài cá nhân, anh Đ không đem số tiền 194.000.000 đồng về đưa cho chị, không phải mở đại lý

gạo, lo sữa cho con cái vì chị và anh Đ đều có lương riêng, chị không biết và cũng không có sự bàn bạc, nên không có trách nhiệm đối với số tiền trên.

Theo đơn phản tố ngày 23/8/2022, bản tự khai, đơn tường trình 31/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh Võ T Đ trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất như Đ trình bày về thời gian kết hôn, có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gia đình và thời gian ly thân từ tháng 9/2021 đến nay. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thống nhất theo trình bày và yêu cầu của Đ.

Tài sản chung: các tài sản Đ yêu cầu anh trả lại là tài sản chung của vợ chồng, không đồng ý trả. Các tài sản chung sau khi định giá anh thống nhất giá không có ý kiến.

+ 01 máy lạnh hiệu LG được mua trong thời gian vợ chồng còn chung sống, mặc dù Đ đứng tên mua trả góp nhưng anh có trả, không nhớ bao nhiêu tháng, không nhớ bao nhiêu tiền. Anh sẽ nhận hiện vật máy lạnh và chia đôi giá trị cho Đ.

+ 01 tủ áo kính màu trắng mua từ nguồn tiền đồng nhà trai cho nhà gái tại lễ nói. Tại phiên toà, anh xác định là 16.000.000 đồng, mặc dù khi cho tiền đồng không nói rõ là sẽ mua sắm những khoản nào nhưng anh cho rằng trong đó có cái tủ áo. Qua phân tích của Hội đồng xét xử, anh đồng ý yêu cầu trả tủ áo trên cho chị Đ.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ông Hoà, bà Ch. Nếu Đ cung cấp được chứng cứ chứng minh vợ chồng có nợ ông Hoà, bà Ch thì anh sẽ chịu trách nhiệm cùng trả 20.000.000 đồng.

Về đòi tài sản: Anh có lạm quỹ của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh B2 số tiền 194.000.000 đồng làm tròn số, vào ngày 09/10/2020 có làm biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ gồm 05 đợt. Anh đã trả cho Hợp tác xã, chỉ còn nợ lại 25.000.000 đồng hạnTh toán cuối tháng 12/2022. Nguồn tiền trả gồm tiền mặt của Hợp tác xã khi xác nhận nợ anh còn giữ trên 30.000.000 đồng, thu nhập từ công ty mới và cha mẹ ruột cho tiền trả. Đây là nợ riêng của anh nên anh tự lo tiền trả chứ Hoàn toàn không mượn tiền của Đ, không thỏa thuận nhờ Đ vay ngân hàng dùm. Ngoài ra anh có mượn tiền của anh Bùi Hữu Hiếu 55.000.000 đồng để trả cho Hợp tác xã và khoản nợ của anh Hiếu đã trả xong. Không có sự việc khi ly thân Đ đưa tờ giấy cho anh ghi nội dung thỏa thuận nợ cha mẹ và nợ của Đ 78.000.000 đồng. Nếu Đ đưa ra được chứng cứ chính xác là giọng nói của anh về việc có mượn Đ 78.000.000 đồng thì anh sẽ chịu trách nhiệm. Anh không biết việc Đ vay ngân hàng (thể hiện tại Biên bản Hoà giải ngày 16/3/2022).

Tại biên bản Hoà giải ngày 27/4/2022 của Toà án, anh Đ trình bày nếu Đ đưa ra được chứng cứ chứng minh anh có thỏa thuận nhờ Đ vay tiền ngân hàng về đưa lại số tiền đó cho anh thì anh sẽ chịu trách nhiệm trả cho Đ số tiền 78.000.000 đồng. Việc Đ trình bày anh có đem hộ khẩu đi công chứng, do thời

gian đã lâu nên không nhớ có hay không, nếu có công chứng hộ khẩu thì cũng dùng cho việc khác chứ không phải công chứng hộ khẩu cho Đ vay ngân hàng.

Tại biên bản Hoà giải ngày 19/7/2022 của Toà án, anh Đ trình bày giọng nói trong các file ghi âm không xác định là của anh. Những nội dung trao đổi trong các file ghi âm anh còn mơ hồ, không ấn tượng không biết phải giọng nói của anh không. Nếu kết quả giám định là của anh và nội dung trao đổi qua lại thể hiện nội dung đúng như cô Đ chứng minh thì anh sẽ chịu trách nhiệm trả lại cô Đ 78.000.000 đồng.

Tại Biên bản Hoà giải ngày 28/9/2022 của Toà án, anh Đ trình bày đã nghe nội dung các file ghi âm và xem bản dịch các file, đúng là giọng nói của anh trong các file ghi âm. Thừa nhận có tHoả thuận nhờ Đ vay 90.000.000 đồng để trả nợ anh Hiếu 55.000.000 đồng và 01 phần của Hợp tác xã, thực tế đã trả và thực tế không nhận 90.000.000 đồng của Đ mà tiền trả cho anh Hiếu và Hợp tác xã là của cha mẹ anh cho. Những biên bản Toà án đã làm việc trước đây, anh quên việc có tHoả thuận nhờ Đ vay tiền 90.000.000 đồng, sau này do Đ cung cấp những file ghi âm nên mới nhớ lại có tHoả thuận với Đ vấn đề vay tiền dùm để xử lý nợ. Tại phiên toà, anh khẳng định không cần thiết giám định giọng nói trong 08 file ghi âm mà Đ cung cấp vì đó là giọng nói của anh và anh đã có xem bản giải trình chi tiết nội dung 08 file ghi âm.

Nếu dựa vào những biên bản trước đó mà buộc anh trả 78.000.000 đồng thì Đ phải chia đôi số nợ Hợp tác xã vì đó là nợ chung, đem số tiền đó chăm lo cho gia đình, mở đại lý gạo vì lương của anh thấp khoảng 3.000.000 đồng, không đủ chi tiêu cho gia đình và con cái, bán gạo thiếu không thu hồi vốn được của khách hàng. Tiền anh lạm của hợp tác xã Vĩnh B2 nhiều lần mới thành ra số tiền 194.000.000 đồng, là nợ chung của vợ chồng, Đ biết vì anh có nói và sử dụng tiền vào việc chi tiêu trong gia đình nên Đ phải có $\frac{1}{2}$ trách nhiệm tương đương số tiền 97.000.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền 78.000.000 đồng, còn lại 19.000.000 đồng yêu cầu Đ trả. Hiện nay, số tiền 25.000.000 đồng còn nợ Hợp tác xã Vĩnh B2 thì anh sẽ tự chịu trách nhiệm trả. Đ chỉ chịu trách nhiệm trả cho anh $\frac{1}{2}$ trên số tiền lạm quỹ 194.000.000 đồng. Số tiền Đ còn nợ ngân hàng Agribank – HL không liên quan gì đến anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Van Ho, bà Phạm Thị Ch do anh Lê Hữu Nghĩa trình bày:

Vợ chồng Đ - Đức mở đại lý gạo cần vốn nên tháng 4/2019 có vay vợ của ông Hoà, bà Ch số tiền 50.000.000 đồng (không làm giấy tờ), lãi suất mỗi tháng trả khoảng 200.000 đồng, do vợ chồng Đức trả lãi cho Ngân hàng Agribank. Khoảng tháng 9/2019, trả vốn được 30.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng cho đến nay. Do anh Võ T Đ không thừa nhận nợ chung nên ông Hoà, bà Ch không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập, khi nào có chứng cứ sẽ khởi kiện bằng vụ án khác và yêu cầu vắng mặt khi Toà án xét xử.

Theo Bản trình bày ý kiến ngày 06/10/2022 của đại diện Hợp tác xã Nông Nghiệp Vĩnh B2 – ông Nguyễn Văn Tắc trình bày:

Về vấn đề hôn nhân gia đình của anh Võ T Đ, Hợp tác xã Vĩnh B2 không có ý kiến. Anh Võ T Đ có phần Đ trả nợ khi lạm quỹ của Hợp tác xã Nông nghiệp Vĩnh B2 nên không yêu cầu giải quyết nợ của anh Võ T Đ trong vụ án này, không tham gia tố tụng. Tuy nhiên, anh Đ còn nợ Hợp tác xã Vĩnh B2 số tiền 25.000.000 đồng và anh Đ phải có nghĩa vụ Hoàn thành trước ngày 15/12/2022.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Võ T Đ trình bày tranh luận: không có ý kiến tranh luận về vấn đề ly hôn, con chung, tài sản. Giọng nói trong 08 file ghi âm mà chị Đ cung cấp đúng là của anh Đ nhưng không có câu nói nào trực tiếp thể hiện Đức có nhờ Đ vay tiền dùm và không thể hiện được Đức có nhận số tiền Đ đã vay. Chứng cứ của hai bên đưa ra là rất yếu, theo quan điểm của Luật sư là đình chỉ yêu cầu của hai bên về việc đòi số tiền 78.000.000 đồng và yêu cầu phản tố đòi 19.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do có việc đột xuất nên vắng mặt khi tuyên án.

Toà án thu thập được lời khai người làm chứng bà Trần Thị B, ông Võ Văn Đ tại biên bản ghi lời khai ngày 05/5/2022. Ngày 04/5/2022, Toà án tổng đạt giấy triệu tập cho ông Bùi Hữu Hiếu nhưng bưu điện chuyển Hoàn, ngày 13/6/2022, Toà án tiếp tục tổng đạt giấy triệu tập, ông Hiếu nhận nhưng vắng mặt không lý do.

Tại bản tự khai của cháu Võ Đức K, sinh năm 05/7/2015 thể hiện nguyện vọng được sống với anh Võ T Đ.

Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp ngày 03/8/2022 thể hiện: 01 tủ áo kính màu trắng, cao 2m Thuy Ngng 1,6m, hông 0,47m, mua tháng 6/2014 (âm lịch), giá 5.200.000 đồng, tỷ lệ còn lại 50% = 2.600.000 đồng. 01 máy lạnh hiệu Dual Inverter LG mua ngày 02/5/2019, giá 10.090.000 đồng, tỷ lệ còn lại 40% = 4.360.000 đồng. Các đương sự thống nhất giá trị, không có ý kiến.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị K Đ với anh Võ T Đ. Về con chung: giao con chung tên Võ Thúy Thuy Ng, sinh ngày 16/8/2019 cho chị Thái Thị K Đ trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được; giao con chung tên Võ Đức K, sinh năm 05/7/2015 cho anh Võ T Đ trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được. Các bên không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con chung. Về chia tài sản: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Thái Thị K Đ về việc đòi tài sản riêng đối với số tiền 3.340.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc đòi tài

sản riêng của chị Thái Thị K Đ, anh Võ T Đ phải giao trả cho chị Thái Thị K Đ 01 tủ áo kính màu trắng, cao 2m Thuy Ngng 1,6m, hông 0,47m (anh Đ đang quản lý, sử dụng); Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc đòi tài sản riêng của chị Đ đổi máy lạnh hiệu LG, trị giá 4.360.000 đồng, anh Võ T Đ được sở hữu 01 máy lạnh hiệu Dual Inverter LG (anh đang quản lý, sử dụng) và phải Hoàn lại giá trị 2.180.000 đồng cho chị Thái Thị K Đ. Về đòi tài sản: anh Võ T Đ phải trả cho chị Thái Thị K Đ số tiền 78.000.000 đồng. Chi phí tố tụng: anh Võ T Đ phải chịu 1.600.000 đồng và phải trả lại số tiền này cho chị Thái Thị K Đ. Về án phí hôn nhân gia đình: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “Trong vụ án ly hôn công nhận thuận tình ly hôn mỗi bên chịu 50% án phí”, chị Thái Thị K Đ phải chịu án phí về hôn nhân là 75.000 đồng, anh Võ T Đ phải chịu án phí về hôn nhân là 75.000 đồng. Đối với yêu cầu chia tài sản và đòi tài sản, những phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận thì bị đơn phải chịu án phí, đối với yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận thì nguyên đơn phải chịu án phí. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và đòi lại tài sản; bị đơn có nơi cư trú tại xã HL, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, chia tài sản*” và “*đòi lại tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Đại diện Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh B2 có ý kiến không tham gia tố tụng trong vụ án này, anh Lê Hữu Nghĩa có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.3] Nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi tài sản riêng theo hướng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.340.000 đồng so với số tiền tại đơn khởi kiện bổ sung 10.300.000 đồng. Việc rút yêu cầu nói trên là Hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với số tiền 3.340.000 đồng.

[1.4] Về yêu cầu phản tố đòi tài sản của bị đơn:

Mặc dù anh Đ có đơn yêu cầu phản tố sau khi Toà án mở phiên họp công khai chứng cứ, Hoà giải nhưng xuất phát từ tính đặc thù của vụ án hôn nhân gia đình, Toà án phải giải quyết cả 03 quan hệ về hôn nhân, con chung và tài sản chung trong cùng vụ án, yêu cầu này của anh Đ nhằm để bù trừ nghĩa vụ và có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Việc thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố trong cùng vụ án (trước khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử) nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự và nhằm giải quyết vụ án triệt để, chính xác, không làm thay đổi bản chất cũng như nội dung vụ án, không làm ảnh hưởng đến thời gian giải quyết vụ án vì Toà án chưa ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, còn đang thu thập chứng cứ, Hoà giải. Do đó Toà án thụ lý đơn yêu cầu phản tố của anh Võ T Đ.

[1.5] Do số tiền chị Đ tranh chấp đòi anh Đ trả 78.000.000 đồng là tiền do chị Đ đứng tên vay tín chấp của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – chi nhánh CV và chị Đ đã tắt toán sau khi ly thân (ngày 05/11/2021), do đó Toà án không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – chi nhánh CV vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên toà, chị Đ trình bày chị còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – phòng giao dịch HL 60.000.000 đồng, đây là nợ riêng của chị và sẽ tự chịu trách nhiệm trả. Sau khi ly thân, do chuyển công tác về HL nên chị đã vay để tắt toán cho khoản nợ trước đây của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh CV, chưa đến hạn Th toán hợp đồng, khoản vay này không liên quan đến anh Đ. Xét thấy, đây là nợ riêng của chị Đ nên việc không đưa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh HL vào tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Đ. Nếu sau này chị Đ vi phạm nghĩa vụ Th toán thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh HL có quyền khởi kiện chị Đ bằng một vụ án dân sự khác. Do đó, không cần thiết phải tạm ngừng phiên toà để đưa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh HL vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mọi quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Đ được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì vợ chồng phải B2 đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Chị Đ yêu cầu ly hôn và được anh Đ đồng ý, do đó công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh Đ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự tHoà

thuận của chị Đ, anh Đ về việc nuôi con chung, giao con chung tên Võ Thúy Thuy Ng, sinh ngày 16/8/2019 cho chị Đ được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung tên Võ Đức K, sinh năm 05/7/2015 cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K được sống với anh Đ. Các bên không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con chung và phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau khi đến thăm nom con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết một Hoặ cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về chia tài sản:*

Chị Đ yêu cầu anh Đ trả lại tài sản riêng gồm 01 tủ áo kính màu trắng, cao 2m Thuy Ngng 1,6m, hông 0,47m, mua khoảng tháng 6/2014 ÂL, đây là của hồi môn được cha mẹ cho chị trước khi đám cưới vài ngày, không phải mua từ tiền đồng của nhà anh Đ. Anh Đ cho rằng tủ áo trên được mua từ số tiền đồng 16.000.000 đồng, mặc dù nhà trai không nói rõ sẽ mua sắm những khoản nào nhưng trong đó có cái tủ áo. Xét thấy, Đ hôn là tập quán để hai bên nam, nữ cũng như nhà trai, nhà gái có sự giao ước với nhau, tạo niềm tin tiến đến hôn nhân, việc nhà trai đưa tiền cho nhà gái (tiền nạp tài) chuẩn bị tiệc cưới là Hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với truyền thống, pHoàng tục, tập quán tại địa phương. Anh Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh nhà trai có tHoả thuận nhà gái phải mua tủ áo cho con gái khi về nhà chồng nên không có cơ sở xác định tủ áo trên được mua từ tiền nạp tài mà là tài sản chị Đ được cha mẹ cho riêng. Theo khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người **có trước khi kết hôn**; tài sản được thừa kế riêng, **được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân**” nên tủ áo là tài sản riêng của chị Đ, quá trình chung sống, anh chị không có tHoả thuận về việc nhập tài sản riêng vào tài sản chung và tại phiên toà, anh Đ đồng ý trả lại tủ áo trên cho chị Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 máy lạnh hiệu Dual Inverter LG được mua ở Điện Máy Xanh Châu Đốc ngày 02/5/2019, hình thức mua trả góp do chị Đ trực tiếp mua (có phiếu mua hàng do chị Đ cung cấp) và góp mỗi tháng, anh Đ trình bày anh có góp nhưng không nhớ bao nhiêu tiền. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đây là tài sản được tạo ra **trong thời kỳ hôn nhân** nên xác định là tài sản chung của vợ chồng. Chị Đ, anh Đ mỗi người được chia đôi giá trị ($50\% \times 4.360.000$ đồng) = 2.180.000 đồng. Anh Đ được nhận hiện vật máy lạnh và Hoàn lại giá trị 2.180.000 đồng cho chị Đ.

[2.4] *Về nợ chung:*

Ông Hoà, bà Ch không thực hiện thủ tục nộp đơn yêu cầu độc lập và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngày 26/9/2022, Toà án có Thông báo số 64/TB-TA về việc đưa Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh B2, huyện Châu Thành là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng liên quan đến việc anh Đ trình bày còn nợ 25.000.000 đồng và thông báo có nội dung về việc thực hiện thủ tục làm đơn

yêu cầu độc lập nếu có yêu cầu. Do nợ chưa đến hạn Th toán (theo trình bày của Hợp tác xã Vĩnh B2 là 25/12/2022) và Hợp tác xã Nông Nghiệp Vĩnh B2 không thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập, không yêu cầu giải quyết nợ của anh Võ T Đ trong vụ án này, xin không tham gia tố tụng, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về đòi tài sản của nguyên đơn:

Tại các biên bản phiên họp kiểm tra chứng cứ, Hoà giải các ngày 16/3/2022, 27/4/2022, 19/7/2022 của Toà án, anh Đ phản đối yêu cầu đòi số tiền 78.000.000 đồng của chị Đ vì anh không biết việc Đ vay ngân hàng Agribank – chi nhánh CV, không thỏa thuận nhờ Đ vay ngân hàng dùm, không đem sổ hộ khẩu công chứng cho Đ nộp hồ sơ vay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được tiếp cận, trực tiếp nhận các chứng cứ mà chị Đ cung cấp gồm 08 file ghi âm kèm các giải trình nội dung chi tiết của 08 file ghi âm, nhưng anh cho rằng giọng nói trong các file ghi âm không xác định là của anh, nếu kết quả giám định giọng nói là của anh và nội dung trao đổi qua lại thể hiện nội dung đúng như Đ chứng minh thì sẽ chịu trách nhiệm trả lại Đ 78.000.000 đồng (thể hiện tại biên bản Hoà giải ngày 19/7/2022).

Do anh Đ không thừa nhận giọng nói trong 08 file ghi âm nên chị Đ có đơn yêu cầu giám định giọng nói. Ngày 26/8/2022, anh Đ có bản tự khai thừa nhận giọng nói trong 08 file ghi âm mà chị Đ cung cấp là của anh, những câu nói trong các file ghi âm là do anh nói ra, nên anh đề nghị không thu âm và không giám định giọng nói. Do đó, chị Đ có đơn không yêu cầu giám định giọng nói nữa, Toà án ban hành Thông báo số 04/TB-TA ngày 26/8/2022 về việc không thực hiện thủ tục thu âm giọng nói để giám định.

Tại biên bản Hoà giải ngày 28/9/2022 của Toà án, anh Đ thừa nhận có tHoả thuận nhờ Đ vay 90.000.000 đồng để trả nợ anh Hiếu 55.000.000 đồng và 01 phần của Hợp tác xã, đã trả xong nhưng thực tế không nhận 90.000.000 đồng của Đ mà tiền trả cho anh Hiếu và Hợp tác xã là của cha mẹ anh cho. Những biên bản Toà án đã làm việc trước đây, anh quên việc có tHoả thuận nhờ Đ vay tiền 90.000.000 đồng, sau này do Đ cung cấp những file ghi âm nên anh mới nhớ lại có tHoả thuận với Đ vấn đề vay tiền dùm để xử lý nợ. Tại phiên toà, anh không yêu cầu giám định giọng nói trong 08 file ghi âm vì đó là giọng nói của anh. Việc anh Đ không phản đối chứng cứ là 08 file ghi âm giọng nói và các giải trình chi tiết kèm theo 08 file ghi âm do chị Đ cung cấp và thừa nhận có tHoả thuận nhờ chị Đ vay dùm 90.000.000 đồng cho anh để trả nợ anh Hiếu 55.000.000 đồng và 01 phần của Hợp tác xã **là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố Tụng dân sự**, như vậy, đã có căn cứ chứng minh chị Đ vay 90.000.000 đồng từ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh CV là theo yêu cầu của anh Đ, anh Đ có tHoả thuận nhờ chị vay dùm để xử lý nợ. Tuy nhiên, anh Đ không thừa nhận có sử dụng 90.000.000 đồng của chị Đ đưa mà số tiền anh trả cho anh Hiếu và một phần của Hợp tác xã là do cha mẹ ruột cho anh (ông Võ Văn Đ, bà Trần Thị B). Ông Đ, bà Ba trình bày có cho tiền anh Đ trả nợ cho anh Hiếu 55.000.000 đồng

và 66.000.000 đồng trả cho Hợp tác xã (02 lần), nhưng không nhớ rõ thời gian và cũng không yêu cầu Đức trả số tiền trên.

Xét thấy, việc anh Đ trả tiền cho ông Hiếu được thể hiện tại file ghi âm cuộc gọi Chồng Vina_210202_101945 ngày **02/02/2021**, dung lượng 611KB, file ghi âm cuộc gọi Chồng Vina_210202_110916, ngày 22/01/2021 và việc trả tiền 30.000.000 đồng cho Hợp tác xã Vĩnh B2 thể hiện tại file ghi âm cuộc gọi Chồng Vina_210225_120330 ngày **25/02/2021**, dung lượng 850KB, đối chiếu thời gian trên file ghi âm, nội dung cuộc trò chuyện với giấy nộp tiền ngày 26/02/2021 do anh Đ cung cấp, trùng khớp thời điểm anh Võ T Đ có trả số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 26/02/2022 cho Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh B2. Tại phiên tòa, anh Đ thừa nhận có nói những câu nói như trích dẫn tại các file ghi âm nói trên, nhưng số tiền đem tiền trả cho Hợp tác xã cũng như trả cho anh Hiếu là của cha mẹ cho anh, ngày 25/02/2021 anh có điện tHoàại kêu Đ rút 30.000.000 đồng trả cho Hợp tác xã vì đến hạn trả ngày 26/02/2021 nhưng sau đó anh không nhận tiền của Đ mà ngày 26/02/2021, tiền anh đem trả là tiền của cha mẹ cho. Lời khai này của anh Đ lại mâu thuẫn với nội dung tại file ghi âm cuộc gọi Chồng Vina_210119_095630 ngày **19/01/2021**, dung lượng 11,874KB. Nội dung file ghi âm này thể hiện **anh Đ thừa nhận mẹ anh Đ không giúp đỡ** nên kêu Đ làm hồ sơ vay 90.000.000 đồng: câu nói của anh Đ *“Vụ tiền thì làm hồ sơ đi, nói rồi bà mẹ không nói gì hết, bà em thì để bà em đi, nói bà biết vậy thôi, thì làm hồ sơ 90 đi rồi tới đâu tính tới đó chứ sao giờ”* (tại 04 phút 16) và câu nói của Đ *“Thì giờ còn được có nhiều đó thì thôi, chứ biết sao giờ, Thì cho anh hay vậy đó, sáng ông nói sao mà tui không nghe rõ gì hết tron vậy hả”* (tại 08 phút 32), câu nói của Đức *“Thì mượn sổ hộ khẩu, với tiền con nợ vậy đó, Đ coi nói với bà có hỏi đâu được không cho con mượn, đi làm con trả lại”* (08 phút 36). Những câu nói trong file ghi âm này cũng được anh Đ thừa nhận tại phiên tòa là anh nói với Đ đúng như vậy.

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy chị Đ không cung cấp được giấy tờ thể hiện có đưa tiền cho anh Đ (chứng cứ trực tiếp) nhưng điều đó cũng không bất hợp lý vì xuất phát từ tình yêu, lòng tin của người vợ đối với chồng nên ít khi xảy ra trường hợp vợ Hoàại chồng đưa tiền cho nhau bắt buộc phải làm biên nhận khi đang sống hạnh phúc. Thời điểm đó, chị Đ không thể biết trước vợ chồng sẽ ly hôn và sự tồn tại 08 file ghi âm trong điện tHoàại cá nhân của chị Đ cũng là ngẫu nhiên, do anh Đ cài chế độ ghi âm tất cả cuộc gọi cuộc hàng ngày trong điện tHoàại cho chị Đ để phục vụ cho việc xử lý một số vấn đề trong công việc của chị Đ, chứ Hoàn toàn chị Đ không ghi âm nhằm mục đích đối phó về mặt chứng cứ với anh Đ nếu ly hôn. Mặc dù không có chứng cứ trực tiếp nhưng những câu nói của anh Đ trong các file ghi âm nói trên và yêu cầu phản tố bù trừ số tiền 78.000.000 đồng đã gián tiếp chứng minh sự thật sau khi nhờ nhưng bà B (mẹ ruột) không giúp đỡ nên anh Đ kêu chị Đ làm hồ sơ vay tiền ngân hàng 90.000.000 đồng, sau khi vay được tiền, chị Đ đưa cho anh Đ đem trả 02 khoản nợ riêng của anh Đ như lời trình bày của chị Đ. Đến thời điểm ly thân còn lại 78.000.000 đồng chưa trả, sau khi ly thân vào tháng 11/2021, chị Đ đã trả xong cho ngân hàng Aribank - CV, nguồn tiền trả là do chị vay của Ngân hàng

Agribank - HL (do chuyển nơi công tác về HL) tất toán cho ngân hàng Agribank - CV nên anh Đ phải có nghĩa vụ Th toán lại cho chị Đ số tiền 78.000.000 đồng.

[2.6] Về yêu cầu phản tố đòi tài sản của bị đơn:

Xét thấy, tại biên bản Hoà giải của Toà án ngày 16/3/2022, biên bản đối chất lời khai ngày 27/4/2022 anh Đ đều xác định việc lạm tiền quỹ của Hợp tác xã nông nghiệp Vĩnh B2 là nợ riêng, không có chị Đ tham gia và việc vay tiền của ông Hiếu để trả cho Hợp tác xã chỉ do anh đứng tên vay. Anh cho rằng sử dụng số tiền lạm quỹ của Hợp tác xã để phục vụ cho gia đình gồm một phần mở đại lý gạo, một phần bù đắp những khoản sinh Hoạt trong gia đình, chi phí cho con cái ốm đau, vợ mang bầu ốm nghén, lo sữa cho con uống, mỗi lần đem về số tiền bao nhiêu anh không nhớ, chỉ xuất những khoản vừa liệt mỗi khoản bao nhiêu anh không nhớ. Chị Đ không thừa nhận số tiền trên anh đem về sử dụng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình mà để chi xài riêng cho anh Đ vì anh Đ công tác từ ngày 15/8/2015 đến ngày 30/11/2019 (04 năm) mới kết toán thành số tiền 194.000.000 đồng, cả hai đều có lương riêng, việc anh Đ lạm quỹ Hợp tác xã trong suốt 04 năm chị không biết, chỉ biết sau khi anh Đ kết toán sổ với Hợp tác xã và về nói lại đã lạm quỹ số tiền 194.000.000 đồng. Chị và anh Đ không có sự bàn bạc cũng không sử dụng số tiền trên nên chị không có trách nhiệm đối với số tiền do bản thân anh Đ lạm quỹ. Theo khoản 20 Điều 3 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh Hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh Hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”, anh Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại biên bản ghi lời khai ông Đ, bà B cũng xác định anh Đ có thiếu nợ của Hợp tác xã Vĩnh B2 và nợ của ông Bùi Hữu Hiếu, do cha mẹ ruột thương con và đó là nợ riêng của Đức...Do đó, không có cơ sở buộc chị Đ phải có nghĩa vụ chung đối với số tiền anh Đ lạm quỹ Hợp tác xã, không chấp nhận yêu cầu của anh Đ đòi chị Đ trả số tiền 19.000.000 đồng.

[2.7] Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[2.8] Về chi phí tố tụng: chị Đ đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 1.600.000 đồng, anh Đ phải Hoàn trả lại cho chị Đ theo quy định khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ, anh Đ phải chịu 75.000 đồng tiền án phí ly hôn do đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn tại các phiên Hoà giải trước khi đưa ra xét xử đối với yêu cầu xin ly hôn theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Ngoài ra, chị Đ phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đòi tài sản riêng không được chấp nhận, anh Đ phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho chị Đ 78.000.000 đồng và án phí đối với phần yêu cầu đòi tài sản riêng của chị Đ được Toà án chấp nhận, án phí chia tài sản chung theo khoản

4 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 20 Điều 3, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 43, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4, khoản 7 Điều 26; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc đòi tài sản riêng của chị Thái Thị K Đ đối với số tiền 3.340.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị K Đ đối với anh Võ T Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thái Thị K Đ với anh Võ T Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2014 do Ủy ban nhân dân xã HL cấp ngày 11/6/2014 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu Võ Thúy Thuy Ng, sinh ngày 16/8/2019 cho chị Thái Thị K Đ trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được; giao cháu Võ Đức K, sinh năm 05/7/2015 cho anh Võ T Đ trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được. Các bên không phải cấp dưỡng cho nhau trong việc nuôi con chung.

Chị Đ và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh chị và các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc đòi tài sản riêng của chị Thái Thị K Đ.

Anh Võ T Đ phải giao trả cho chị Thái Thị K Đ 01 tủ áo kính màu trắng, cao 2m Thuy Ngng 1,6m, hông 0,47m (anh Đ đang quản lý, sử dụng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về việc đòi tài sản riêng của chị Đ đối máy lạnh Dual Inverter LG, trị giá 4.360.000 đồng.

Anh Võ T Đ được sở hữu 01 máy lạnh hiệu Dual Inverter LG (anh đang quản lý, sử dụng) và phải Hoàn lại giá trị 2.180.000 đồng (Hai triệu một trăm tám mươi ngàn) cho chị Thái Thị K Đ.

4. Về đòi tài sản:

Anh Võ T Đ phải có nghĩa vụ trả cho chị Thái Thị K Đ số tiền 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chi phí tố tụng: anh Võ T Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn) và phải Hoàn trả số tiền này cho chị Thái Thị K Đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Thái Thị K Đ phải chịu án phí về hôn nhân là 75.000 đồng, án án phí đòi tài sản riêng đối với phần không được chấp nhận là 300.000 đồng, tổng cộng 375.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.550.000 đồng theo các biên lai thu số 0004281, ngày 21/01/2022, số 0004287 ngày 24/01/2022 và số 0005115 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả lại cho chị Đ 2.175.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn).

Anh Võ T Đ phải chịu án phí về hôn nhân là 75.000 đồng, án phí đối với yêu cầu đòi tài sản riêng của chị Đ được chấp nhận 300.000 đồng, án phí chia tài sản 300.000 đồng và án phí 3.900.000 đồng về việc trả số tiền 78.000.000 đồng cho chị Đ, tổng cộng 4.575.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 475.000 đồng theo biên lai thu số 0005422, ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang. Còn lại 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm ngàn) anh Võ T Đ phải tiếp tục nộp tại Chi cục Thi hành án dân

sự huyện P.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt Hoạch niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tHoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, Hoạch bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-